

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KÔNG CHRO
TỈNH GIA LAI**

Bản án số: 04/2018/DS-ST

Ngày: 09/11/2018

*“V/v: Tranh chấp về hợp đồng
dân sự vay tài sản”.*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KÔNG CHRO - TỈNH GIA LAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Phan Huy Viễn.

- **Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Trần Ngọc Thái.

2. Ông Hồ Văn Ngọc.

- **Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Tình – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Quốc Bình - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09/11/2018, tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 19/2018/TLST-DS, ngày 14/9/2018, về việc: **“Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản”** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2018/QĐST-DS, ngày 25/10/2018 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Xuân T, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Tổ , thị trấn K, huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai – có mặt.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Phúc N, sinh năm 1963 và bà Lê Thị N, sinh năm 1963;

Địa chỉ: N, tổ , thị trấn K, huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai (Bà N ủy quyền cho ông N tham gia tố tụng tại Tòa án theo văn bản ủy quyền ngày 06/10/2018) – ông N có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/9/2018, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Xuân T trình bày: Do có quan hệ quen biết với nhau nên vào ngày 03/9/2013 (âm lịch) tức ngày 07/10/2013 (dương lịch) bà T có cho vợ chồng ông Nguyễn Phúc N và bà Lê Thị N vay số tiền 180.000.000đ (*Một trăm tám mươi triệu đồng*) với lãi suất thỏa thuận là theo lãi cho vay của Ngân hàng tùy thuộc từng năm, lãi trả hàng tháng còn tiền gốc trả góp trong thời gian hai năm. Tuy nhiên, sau khi vay thì ông bà lấy lý do khó khăn nên chỉ trả lãi hàng tháng cho bà T với mức 0,9%/năm và ông bà đã trả được lãi đến hết tháng 08/2018, riêng tiền nợ gốc thì ông bà không trả như đã thỏa thuận. Nhiều lần bà T đã gặp và yêu cầu ông N, bà N trả nợ gốc nhưng ông bà chỉ hứa hẹn và khất lần chứ không chịu trả. Việc chây ỳ của ông bà khiến bà T

gặp rất nhiều khó khăn do đó bà yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Kông Chro giải quyết buộc ông Nguyễn Phúc N và bà Lê Thị N phải trả lại cho bà số tiền gốc ông bà đã vay là 180.000.000đ (*Một trăm tám mươi triệu đồng*). Bà T không yêu cầu ông N, bà N phải trả lãi nữa. Ngoài ra bà T không có yêu cầu gì khác.

Trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn là ông Nguyễn Phúc N trình bày:

Vào đầu năm 2011 ông và vợ là bà Lê Thị N có vay của bà Nguyễn Thị Xuân T số tiền 70.000.000đ (*Bảy mươi triệu đồng*) với lãi suất 6%/tháng. Ông và bà N đã trả lãi đầy đủ cho bà T trong hai năm 2011 và 2012. Sang đến năm 2013 do chăn nuôi heo bị thua lỗ nên ông bà không có khả năng trả lãi cho bà T trong năm này. Đầu năm 2014 bà T cộng vốn và lãi lại thành 180.000.000đ (*Một trăm tám mươi triệu đồng*) và ép vợ chồng ông bà phải ký giấy nhận nợ số tiền này. Lúc đó, bà T có nói vợ chồng ông bà nếu không có khả năng trả liền số nợ đó thì đóng qua tiền ngày, bà cho trả góp mỗi ngày 100.000đ (*Một trăm nghìn đồng*). Ông và bà N đã đóng tiền trả góp như vậy cho bà T đến hết năm 2015. Đến đầu năm 2016 bà T buộc ông bà phải đóng tăng lên 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) mỗi ngày cho đến hết tháng 08/2018 thì bà N bị bệnh phải đi điều trị ở Đà Nẵng nên ông bà không có khả năng đóng tiếp nữa. Nay bà T kiện yêu cầu ông và bà N phải trả số tiền 180.000.000đ (*Một trăm tám mươi triệu đồng*) thì ông thấy không thỏa đáng, ông yêu cầu bà T trừ số tiền ông và bà N đã trả cho bà T là 96.000.000 đồng (*Chín mươi sáu triệu đồng*) còn lại bao nhiêu ông và bà N sẽ có trách nhiệm trả cho bà T.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kông Chro đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ vào các điều 471, khoản 1 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005;
- Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228 và 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Xuân T; buộc ông Nguyễn Phúc N và bà Lê Thị N phải trả cho bà T số tiền đã vay là 180.000.000đ (*Một trăm tám mươi triệu đồng*).
- Buộc ông Nguyễn Phúc N và bà Lê Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Xuân T khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Phúc N và bà Lê Thị N phải trả cho bà số tiền đã vay là 180.000.000 đồng. Xét thấy đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án, vào ngày 12/10/2018 Tòa án đã tiến hành tổ chức hòa giải giữa bà T và ông N. Tại buổi hòa giải này ông N công nhận ông và bà N có nợ bà T số tiền 180.000.000 đồng đồng thời thỏa thuận trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày hòa giải ông và bà N sẽ trả dứt điểm số nợ đó cho bà T. Tuy nhiên, đến ngày

17/10/2018 ông N có Đơn xin thay đổi nội dung đã thỏa thuận tại phiên hòa giải ngày 12/10/2018 với lý do thỏa thuận đó không thỏa đáng nên đề nghị Tòa án xem xét lại. Chính vì vậy, Tòa án tiếp tục đưa vụ án ra giải quyết theo thủ tục chung.

Về nội dung vụ án:

Theo trình bày của bà Nguyễn Thị Xuân T thì vào ngày 07/10/2013 bà có cho ông Nguyễn Phúc N và bà Lê Thị N vay số tiền 180.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận là theo lãi cho vay của Ngân hàng tùy thuộc từng năm, lãi trả hàng tháng còn tiền gốc trả góp trong thời gian hai năm. Sau khi vay, ông N và bà N mới chỉ trả lãi hàng tháng cho bà T với mức 0,9%/năm và đã trả lãi đến hết tháng 08/2018, riêng tiền nợ gốc thì ông bà không trả như đã thỏa thuận.

Đối với ông Nguyễn Phúc N thì lại cho rằng ông và bà N chỉ vay của bà T số tiền 70.000.000 đồng với lãi suất 6%/tháng. Sau khi ông bà không có khả năng trả lãi nữa thì bà T cộng lãi với số nợ gốc lên thành 180.000.000 đồng và ép vợ chồng ông bà phải ký giấy nhận nợ số tiền này. Nay bà T kiện yêu cầu ông và bà N phải trả số tiền 180.000.000 đồng thì ông thấy không thỏa đáng, ông yêu cầu bà T trừ số tiền ông và bà N đã trả cho bà T là 96.000.000 đồng còn lại bao nhiêu ông và bà N sẽ có trách nhiệm trả cho bà T.

Xét nội dung trình bày của bà T và ông N thì thấy rằng:

Việc bà T cho vợ chồng ông N vay tiền là có thật. Khi khởi kiện, bà T xuất trình được chứng cứ chứng minh ông N và bà N vay tiền là giấy vay tiền có chữ ký của ông N và bà N do chính tay ông N viết.

Về phía ông N tuy thừa nhận giấy vay tiền nói trên là do ông viết và ông với bà N cùng ký nhận nợ trong đó nhưng ông cho rằng bà T cộng lãi và nợ gốc lại mới thành số tiền như vậy. Tuy nhiên, ông N lại không xuất trình được chứng cứ nào để chứng minh cho lời trình bày đó của mình trong khi nếu lời khai của ông N là sự thực thì với mức lãi 6%/tháng, ông và bà N không trả lãi cho bà T trong thời hạn 01 năm thì cộng cả gốc và lãi cũng chỉ là 124.000.000 đồng chứ không thể thành 180.000.000 đồng được. Ngoài ra, ông N còn cho rằng giấy vay tiền trên bà T buộc ông và bà N viết vào đầu năm 2014 trong khi thời điểm viết giấy ghi rõ là vào tháng 10/2013. Tại phiên tòa hôm nay, ông N còn trình bày sau khi viết giấy nhận nợ thì ông và bà N đã trả lãi mỗi ngày 100.000 đồng cho bà T đến hết năm 2015 và đầu năm 2016 bà T buộc ông và bà N phải trả tăng lên 200.000 đồng mỗi ngày (gồm 100.000 đồng nợ gốc và 100.000 đồng tiền lãi) cho đến hết tháng 08/2018 thì bà N bị bệnh phải đi điều trị ở Đà Nẵng nên ông bà không có khả năng trả nợ tiếp nữa. Lời khai này của ông N là không thống nhất với các lời trình bày trước đây của ông (khi đó ông cho rằng lúc ông viết giấy vay tiền thì bà T có nói vợ chồng ông nếu không có khả năng trả liền số nợ đó thì đóng qua tiền ngày, bà cho trả góp mỗi ngày 100.000 đồng. Sau đó ông và bà N đã đóng tiền trả góp như vậy cho bà T đến hết năm 2015. Đến đầu năm 2016 bà T buộc ông bà phải đóng tăng lên 200.000 đồng mỗi ngày cho đến hết tháng 08/2018). Ông N có đưa người làm chứng biết việc ông và bà N trả tiền cho bà T là ông Đặng Văn H. Tòa án đã tiến hành triệu tập làm việc và ghi lời khai của ông H nhưng ông H không chịu ký biên bản lấy lời khai và bỏ ra về dù đã được đọc lại nội dung biên bản,

thừa nhận đúng nội dung làm việc do đó lời khai của ông H cũng không có giá trị. Như vậy, có thể thấy lời khai của ông N là không có căn cứ và không thể chấp nhận được.

Xét giao dịch dân sự về việc vay tài sản giữa bà Nguyễn Thị Xuân T với ông Nguyễn Phúc N và bà Lê Thị N được giao kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không trái với đạo đức xã hội và các quy định của pháp luật nên giao dịch đó có hiệu lực pháp luật. Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì trong trường hợp này cần áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2005 để giải quyết tranh chấp giữa hai bên. Hợp đồng giữa bà T với ông N và bà N có ấn định thời gian trả gốc và lãi do đó đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn được quy định tại Điều 478 của Bộ luật Dân sự. Tại khoản 1 Điều 474 của Bộ luật Dân sự quy định: “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn*”. Đến nay, đã quá thời hạn trả nợ theo thỏa thuận nhưng ông N và bà N không trả nợ nên bà T khởi kiện là có căn cứ để chấp nhận và buộc ông N và bà N phải trả cho bà T số tiền nợ gốc theo yêu cầu của bà T là 180.000.000 đồng.

Về lãi suất: Bà Nguyễn Thị Xuân T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận do đó cần buộc bị đơn chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, các Điều 227, 228, 235, 264, 266 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 471, 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Xử:**

- Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Xuân T.

- Buộc ông Nguyễn Phúc N và bà Lê Thị N phải trả cho bà Nguyễn Thị Xuân T số tiền gốc là 180.000.000 đồng (*Một trăm tám mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí :

+ Xử buộc ông Nguyễn Phúc N và bà Lê Thị N phải chịu 9.000.000 đồng (*Chín triệu đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bà Nguyễn Thị Xuân T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà T số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 4.500.000 đồng (*Bốn triệu năm trăm nghìn*).

đồng) đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0000097, ngày 14/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Kông Chro;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Kông Chro;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Huy Viễn

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

